

Lưu ý:
- Ghi đầy đủ các mục, giữ phiếu phẳng.
- Bôi đen đáp án tương ứng với số câu trong đề.
- Bài kiểm tra được chấm bằng máy, học sinh tô đậm, vừa khít với ô tròn giới hạn. **TUYỆT ĐỐI** không được sửa chữa đáp án.

ĐIỂM

GIÁM KHẢO
(Ghi rõ tên)

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Họ và tên:.....

Ngày sinh:.....Lớp:.....

Phòng thi:.....Số thứ tự:.....

MÃ 001

SỐ BÁO DANH

--	--	--	--	--	--

MÃ ĐỀ

--	--	--

0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9

0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9

TÔ KÍN SỐ BÁO DANH VÀ MÃ ĐỀ

■ A B C D

- 1 (A) (B) (C) (D)
2 (A) (B) (C) (D)
3 (A) (B) (C) (D)
4 (A) (B) (C) (D)
5 (A) (B) (C) (D)
6 (A) (B) (C) (D)
7 (A) (B) (C) (D)
8 (A) (B) (C) (D)
9 (A) (B) (C) (D)
10 (A) (B) (C) (D)

■ A B C D

- 11 (A) (B) (C) (D)
12 (A) (B) (C) (D)
13 (A) (B) (C) (D)
14 (A) (B) (C) (D)
15 (A) (B) (C) (D)
16 (A) (B) (C) (D)
17 (A) (B) (C) (D)
18 (A) (B) (C) (D)
19 (A) (B) (C) (D)
20 (A) (B) (C) (D)

Giám thị coi thi
(Ghi rõ tên)

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Câu 1: Vị trí địa lí ảnh hưởng tới:

- A. ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định cơ cấu và phân bố ngành công nghiệp.
- B. Thúc đẩy sự phát triển công nghiệp.
- C. Cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên, phân bố các ngành công nghiệp hợp lí.
- D. Sự phân bố các cơ sở sản xuất của ngành công nghiệp

Câu 2: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về công nghiệp?

- A. Công nghiệp là ngành tạo ra khối lượng sản phẩm rất lớn cho toàn xã hội.
- B. Công nghiệp là ngành góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng nền kinh tế.
- C. Trình độ phát triển công nghiệp phản ánh trình độ phát triển nền kinh tế.
- D. Công nghiệp làm tăng khoảng cách phát triển của nông thôn và miền núi.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với giao thông vận tải?

- A. Phục vụ mối giao lưu kinh tế - xã hội giữa các vùng.
- B. Có vai trò lớn trong phân công lao động theo lãnh thổ.
- C. là ngành sản xuất vật chất, tạo ra sản phẩm hàng hóa.
- D. Đảm bảo mối liên hệ không gian, phục vụ con người.

Câu 4: Dịch vụ kinh doanh gồm

- A. tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải hàng hoá, bán buôn, bán lẻ,
- B. Y tế, giáo dục, du lịch, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ cá nhân.
- C. Hành chính công, sửa chữa, du lịch, khách sạn, nhà hàng, khoa học công nghệ.
- D. vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính, bảo hiểm, kinh doanh tài sản, giáo dục.

Câu 5: Nhân tố nào sau đây có tác động lớn nhất đến nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ?

- A. Trình độ phát triển kinh tế.
- B. Phân bố và mạng lưới dân cư.
- C. Mức sống và thu nhập thực tế.
- D. Quy mô và cơ cấu dân số.

Câu 6: Vai trò của dịch vụ đối với môi trường.

- A. thúc đẩy phát triển công nghiệp và nông nghiệp.
- B. tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.
- C. Góp phần khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
- D. góp phần sử dụng tốt nguồn lao động trong nước.

Câu 7: Về mặt xã hội dịch vụ có vai trò:

- A. Tăng thu nhập quốc dân.
- B. giúp khai thác tốt hơn các tài nguyên thiên nhiên.
- C. giúp cho các lĩnh vực của đời sống xã hội và sinh hoạt công cộng diễn ra thuận lợi, nâng cao đời sống con người. người dân.
- D. thúc đẩy phát triển công nghiệp và nông nghiệp.

Câu 8: Đối tượng của giao thông vận tải là

- A. chuyên chở người và hàng hoá nơi này đến nơi khác.
- B. con người và sản phẩm vật chất do con người tạo ra.
- C. các đầu mối giao thông đường bộ, hàng không, sông.
- D. những tuyến đường giao thông ở trong và ngoài nước.

Câu 9: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ?

- A. Người tiêu dùng cũng tham gia vào sản xuất.
- B. Việc sản xuất và tiêu dùng diễn ra đồng thời.

C. Nhiều loại sản phẩm tồn trữ và lưu lại được.

D. Phần lớn sản phẩm là vô hình, phi vật chất.

Câu 10: Nhân tố mang tính chất quyết định đến sự phát triển công nghiệp.

A. Nguồn vốn

B. Điều kiện tự nhiên

C. Vị trí địa lí.

D. Dân cư và nguồn lao động.

Câu 11: Vai trò của công nghiệp đối với đời sống người dân là

A. khai thác hiệu quả các tài nguyên.

B. tạo việc làm mới, tăng thu nhập.

C. thúc đẩy nhiều ngành phát triển.

D. làm thay đổi phân công lao động.

Câu 12: Cơ cấu ngành dịch vụ:

A. Được chia thành 5 nhóm ngành.

B. Được chia thành 2 nhóm ngành.

C. Rất đa dạng và phức tạp.

D. Được chia thành 4 nhóm ngành.

Câu 13: Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên:

A. Cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên, phân bố các ngành công nghiệp hợp lí.

B. Ảnh hưởng tới sự phân bố các cơ sở sản xuất của ngành công nghiệp

C. ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định cơ cấu và phân bố ngành công nghiệp.

D. Thúc đẩy sự phát triển công nghiệp.

Câu 14: Nhân tố nào sau đây có ảnh hưởng đến sự có mặt của loại hình giao thông vận tải.

A. Phát triển đô thị.

B. Các ngành sản xuất.

C. Vị trí địa lí.

D. Phân bố dân cư.

Câu 15: Giao thông vận tải đường ô tô có nhiều ưu điểm về

A. vận tải hàng nặng trên đường dài, giá rẻ, khá an toàn.

B. tiện lợi, cơ động, dễ kết nối với các loại hình vận tải khác

C. tốc độ cao, có nhiều ưu việt trong vận tải hành khách.

D. vận chuyển hàng nặng, tốc độ nhanh ở địa hình phẳng.

Câu 16: Sản xuất công nghiệp khác biệt với sản xuất nông nghiệp ở

A. sự phụ thuộc vào tự nhiên.

B. tính chất tập trung cao độ.

C. sự phân tán về không gian.

D. có bao gồm nhiều ngành.

Câu 17: Đặc điểm của sản xuất công nghiệp là

A. gắn liền với việc sử dụng máy móc.

B. Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu.

C. có tính chất mùa vụ.

D. phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.

Câu 18: Chức năng của giao thông vận tải là

A. các đầu mối giao thông đường bộ, hàng không, sông.

B. chuyên chở người và hàng hoá nơi này đến nơi khác.

C. con người và sản phẩm vật chất do con người tạo ra.

D. những tuyến đường giao thông ở trong và ngoài nước.

Câu 19: Giao thông vận tải là ngành kinh tế

A. chỉ có mối quan hệ với công nghiệp.

B. Cung cấp tư liệu sản xuất cho ngành công nghiệp

C. không trực tiếp sản xuất ra hàng hóa.

D. không làm thay đổi giá trị hàng hóa.

Câu 20: Chỉ có các cường quốc về kinh tế và công nghệ thì mới là các cường quốc về hàng không, vì

- A. Có nhiều lao động
- B. Chở được nhiều hàng hóa
- C. số lượng người dân đi lại bằng đường hàng không nhiều
- D. ngành hàng không phát triển đòi hỏi công nghệ tiên tiến.

II. Tự luận: (5 điểm).

Câu 1 (2 điểm): Trình bày vai trò của ngành công nghiệp

Câu 2 (3 điểm): Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA

Năm	2010	2014	2016	2017
Nước mắm (triệu lít)	257,1	334,4	372,2	380,2
Thủy sản đóng hộp (nghìn tấn)	87	110	123	148,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Dựa vào bảng số liệu hãy vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện sản lượng nước mắm và thủy sản đóng hộp của nước ta giai đoạn 2010 – 2017. Rút ra nhận xét từ biểu đồ đã vẽ.

-----**HẾT**-----